



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH CHI TAI
Last Middle First

Current Address: 818/2 E Nguyen-Truc P14 Q5 - Ho Chi Minh City

Date of Birth: 1941 Place of Birth: CANTON CHINA

Previous Occupation (before 1975) S. Lieutenant ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 10-1975 To 09-1987
Years: 11 Months: 01 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>WANG CHI-SANG</u>	<u>brother</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TANG KHON LIEN	1944	wife
WONG - TRI - HONG	1967	son
TANG HUE NHI	1969	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0435
TELEPHONE 703-560-0058

INTAKE FORM (Two Copies) MAU DON VE LY-LICH *****

NAME (Ten Tu-nhan) : HUYENH CHI TAH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gai)
DATE, PLACE OF BIRTH : JANUARY 15th 1941 CANTON CHINA
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : MALE Female (Nu) : _____
MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : MARRIED
(Tinh trang gia dinh)
ADDRESS IN VIETNAM : 818/2E NGUYEN TRAM F14 G 5 HO CHI MINH CITY
(Dia chi tai Viet-Nam)
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) YES No (Khong) _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : OCT-4-1975 To (Den) : SEP-4-1987
PLACE OF RE-EDUCATION : CHI HOA VINH QUANG NAM HA
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghề nghiệp) : _____
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : MICROFILM PLATON LEADER
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : _____
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : _____ Date (nam) : _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : YES
IV Number (So ho so) : _____
No (Khong) : _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 03
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 818/2E NGUYEN TRAM F14
G 5 HO CHI MINH CITY
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va dia chi than nhon nay nguoi nao doi)
WONG - CHI - SUNG
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (Co) : _____ No (Khong) : _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : MY VERMILION BROTHER
NAME & SIGNATURE : WONG CHI-TAH 818/2E NGUYEN TRAM F14 G 5 HO CHI MINH CITY
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
DATE : NOVEMBER 15th 1988
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : WUYNH - CHU - TAI
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
<u>TANG - NHU - LIEN</u>	<u>NOV-30-1944</u>	<u>WIFE</u>
<u>WONG - TRI - HONG</u>	<u>APRIL-30-1962</u>	<u>SON</u>
<u>TANG - HUE - NHU</u>	<u>JULY-27-1969</u>	<u>DAUGHTER</u>

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION : MY NAME IS NGUYEN CHU TAI
IDENTITY CARD NAME : WONG - TRI - HONG
MY NAME WITHIN 9 USC IN MILITARY FORCE IS NGHIEM - A - LINH

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ
VIỆT NAM
P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc
gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Đã Thợ)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5455, ARLINGTON, VA 22205-0455
TELEPHONE 703-560-0058

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : HUYENH CHI TAI
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gi)
DATE, PLACE OF BIRTH : JANUARY 15th 1941 CANTON CHINA
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : MALE Female (Nu) : _____
MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : MARRIED
(Tinh trang gia dinh) :
ADDRESS IN VIETNAM : 818/2E NGUYEN TRAI F14 Q.5 HO CHI MINH CITY
(Dia chi tai Viet-Nam) :
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) YES No (Khong) : _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : OCT-1st-1975 To (Den) : SEP-4th-1987
PLACE OF RE-EDUCATION : CHI HOA ; VINH QUANG ; NAM HA
CAMP (Trai tu) :
PROFESSION (Nghie nghiep) : _____
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : MIKE FORGE PLATOON LEADER
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : _____
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : _____ Date (nam) : _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : YES
IV Number (So ho so) : _____
No (Khong) : _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 03
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 818/2E NGUYEN TRAI F14
Q.5 HO CHI MINH CITY
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) :
WONG - CHI - SANG
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : MY YOUNG BROTHER
NAME & SIGNATURE : HUYENH CHI TAI 818/2E NGUYEN TRAI F14 Q.5 HO CHI MINH CITY
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) : _____
DATE : NOVEMBER 17th 1988
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

黄志才

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH - CHI - TAI
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TANG - NUON - LIEN	NOV-30-1944	WIFE
WONG - TRI - HONG	APRIL-30-1967	SON
TANG - HUË - NHI	JULY-17-1969	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION : MY NAME IS HUYNH CHI TAI
IDENTITY CARD NAME : WONG - CHI - CHOY
MY NAME WHICH I USE IN MIKE FORCE IS NGHIEM - A-LINH

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ
VIỆT NAM

P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc
gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thợ)

SỐ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QL/G, Ban
hành theo công văn số
2565 ngày 21 tháng 11
năm 1972

Trại

Số 156 GR1

0 1 0 7 9 7 0 2 2 5 4 2 1

SMSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành án văn, quyết định tha số 18 ngày 31 tháng 8 năm 1987

của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Huỳnh chí Tài Sinh năm 19 41

Các tên gọi khác:

Nơi sinh: Trung quốc

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

218 Lầu 3 Nguyễn triệi quận 5, Sài Gòn

Cán tội: thiếu kỷ luật quân

Bị bắt ngày 1-1-75 Án phạt: 1000

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Bộ nội vụ

Đã bị tãng án lần, cộng thành 9 năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 218 Nguyễn triệi, quận 5, TP HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

+ Tư tưởng: xác định được tội lỗi gây nên,

+ Học tập: tham gia đều

+ Lao động: có nhiều cố gắng, đảm bảo ngày công

+ Tội qui: chưa có gì sai phạm lớn

Xếp loại cải tạo: trung bình, khá

Dương sự phải trình diện tại UBND phường, xã: Quận 5, TP HCM

Trước ngày 20 tháng 9 năm 1987

Lưu tay người trả phải

Của Huỳnh chí Tài

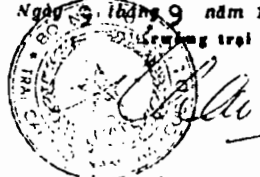
Đánh dấu số

Lập tại

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Huỳnh chí Tài

Ngày 3 tháng 9 năm 1987



THƯƠNG TÀI: LƯU VĂN HÂN

Emgani piy 25
Kai nam
A/s co' du' trine' lue' Tha
Tan cong phuong.

Ng 10 / 9 / 88
To CA

~~A. C. C. C. C.~~

Seo...

NATIONAL OFFICE
MIGRATION AND REFUGEE SERVICE

1312 Mass Avenue N.W.
Washington DC 20030
202/659 6625 Telex 770 320 1154
Attimes USA



POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in Reeducation Camp in Viet Nam so that eligibility for US admission via the ODP can be established :

APPLICANT IN VIETNAM

NAME HUYNH-CHI-TAI (WONG-CHI-CHOY) Other name: NGHIEM-A-LINH

RANK MIKE FORCE PLATOON LEADER

FUNCTION MIKE FORCE PLATOON LEADER

CURRENT ADDRESS 818/26 NGUYEN-TRAI F14 Q.5 HO-CHI-MINH CITY

DATE OF BIRTH JANUARY 15th 1941

PLACE OF BIRTH CANTON CHINA

NAMES OF ACCOMPANYING RELATIVES DEPENDANT :

NAME	DOB	POB	SEX	MS	RELATIONS
1- TANG-NHON-LIEN	NOVEMBER-30-1944	CHOLON	F	M	MY WIFE
2- WONG-TRI-HONG	APRIL-30-1967	BINH DONG M	M	S	MY SON
3- TANG-HUE-NHI	JULY-17-1969	BINH DONG F	F	S	MY DAUGHTER

TIME SPENT IN REEDUCATION CAMP

From. OCT.-1st-1975 to. SEPT.-9th-1987

(12..yearsmonths.....days)

Signature of the applicant

NOVEMBER -17th-1988

黄志才

NATIONAL OFFICE
MIGRATION AND REFUGEE SERVICE

1312 Mass Avenue N.W.
Washington DC 20530
202/659 6625 Telex 710 320 1154
Attimes USA



POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in Reeducation Camp in Viet Nam so that eligibility for US admission via the ODP can be established :

APPLICANT IN VIETNAM

NAME HUYNH CHI TRI (WONG CHI CHOY) Other name: NGHIEM-A-LINH
RANK MIKE FORCE PLATOON LEADER
FUNCTION MIKE FORCE PLATOON LEADER
CURRENT ADDRESS 818/2E NGUYEN-TRAI F14 Q-5 HO-CHI-MINH CITY
DATE OF BIRTH JANUARY 15th 1941
PLACE OF BIRTH CANTON CHINA

NAMES OF ACCOMPANYING RELATIVES DEPENDANT :

NAME	DOB	Place	SEX	MS	RELATIONSHIP
1- TANG-NHON LIEN	NOVEMBER-30 1944	HO CHI MINH	F	M	MY WIFE
2- WONG TRI HENG	APRIL - 30 1961	BINH DONG	M	S	MY SON
3- TANG-HUE NH	JULY - 17- 1969	BINH DONG	F	S	MY DAUGHTER

TIME SPENT IN REEDUCATION CAMP

From SEP 1st 1975 to SEP 9th 1981

(12 years months days)

Signature of the applicant

NOVEMBER - 17th - 1982

黃志才

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

I. BASIC IDENTIFICATION DATA:

- Name: HUYNH - CHI - TAI (WONG - CHI - CHOI)
 - Other Names: NGHIEM - A - LINH (used from June 1964 to June 1967 when serving in the U.S. Mike Forces).
 - Date/Place of Birth: January 15th 1941 in Hong Kong
 - Position, Rank before April 1975: Platoon leader of the 356th Reconnaissance Company - Mike Forces.
 - Unit: Camp 6 (in Thủ Đức) or HS - Ngoc - Tao Camp (A US Mike Forces Training Center from 1961 to 1963).
 Camp 3 (in Biên Hòa) or Hoa Cien Camp (A US Mike Forces Training Center from 1963 to 1967).
 - Name of Supervisor/C: Major NGUYEN - VAN - CHUNG
 - Name of American Advisors: Captain THOMAS S. MYERSON
 Sergeant Major HENRI SICK
 Sergeant MATTHEW
 1st Lt. OSCAR O. CONNOR
 - Month, Date, Year arrested: Oct 1st 1975
 - Month, Date, Year ~~arrested~~ out of camp: Sept 5th 1987
 - Total Time in Re-education: 11 years 11 months and 8 days
 - Present Mailing Address: 818/2E Nguyễn - Trãi, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
 - Current Address: the same
 - US Awards or Certificates: 1 Parachute Certificate + Letters of appreciation

II. RELATIVES TO ACCOMPANY ME TO THE US

Names	DOB	POB	Sex	M.S	Relationship
1. TANG - NHON - LIEN	30-11-1944	CHOLON	F	M	My wife
2. WONG - TRI - HONG	30-4-1967	Bình Dương	M	S	My son
3. TANG - HUÊ - NHI	17-7-1969	Bình Dương	F	S	My daughter

III. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD)

1. Spouse: TANG - NHON - LIEN: 818/2E Nguyễn - Trãi, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
 2. Children: WONG - TRI - HONG
 TANG - HUÊ - NHI

IV. CLOSEST RELATIVES IN THE US

1. Name: WONG - CHI - SANG

Relationship: My young brother

Address:

Name PHAM - CONG - PHU
Relationship My sponsor
Address Editor of the Viet-Hoa (Sino-Vietnamese) paper

1. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTIL NOW?

Yes ☒

No ☐

On my release from Re-education camp, I twice sent two applications to the ODP office in Bangkok.

2. HAVE THESE APPLICATIONS BEEN REPLIED FROM BANGKOK?

Yes ☐

No ☒

WHAT IS YOUR IV NUMBER? I don't have it yet.

WHAT IS YOUR VEWL #? I do not yet have a Letter of Introduction (LOI).

3. COMMENT AND REMARKS

1. My wife, TANG-NHON-LIEN worked as a clerk for the U.S. Commissary in An Hoa (Cholon) from 1963

2. All my personal documents pertaining to my former military activities in the US strike forces, as well as some of my wife's, had been destroyed by her since April 1975. I am very sorry to be unable to present you with documents but this includes Re-education Release Certificate and some of my very rare old photographs taken in common with my American comrades in arms.

3. I, PHAM-CONG-PHU, a deputy of the former Vietnamese government and now is the editor of the Viet-Hoa Vietnamese paper in the United States, as well as WONG-CHI-SUNG, a brother of mine who served in the 256th Transportation Company and actually resides at 4875 N. Magnolia St., Chicago, IL 60640 can easily testify by my identification data.

4. Based upon my wife's former services and mine to the US Army, as well as upon the newly reached agreement between both US and Vietnamese governments to allow four categories of people to go to the US through the Priority Departure Program for humanitarian reasons, I strongly hope, you will closely consider my case and have our names entered into the VOA Entry Working List (VEWL).

5. Thank you, and here our most sincere thanks for any help you can assist us to leave VN, the sooner the better.

Respectfully yours.

Quân 5, May, 9, 1988

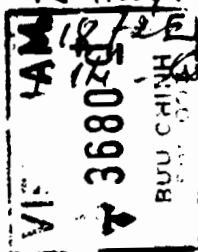
黃志才

HUYNH-CHI-TAI
(NGHIEM-AU-LINH)

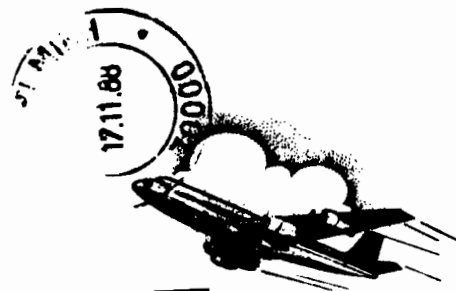
Enclosed

1. Release Certificate
2. Identification Photographs
3. Old photographs of myself taken in company with US comrades in arms.
4. Birth Certificates of my two children
5. Marriage Certificate.

FR HUY NH CHÍ TÀI
10/22 NGUYỄN TRẠI
12/25 - TP HCM
VIỆT NAM



DEC 02 1988



PAR AVION VIA AIR MAIL

TO: FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
PO BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

USA

818/2E NGUYỄN - TRÃI P. 14. Q. 5.

T. P. H. C. M.

CONTROL

5/10

- ☒ Card
- ☒ Doc. Request; Form
- ☒ Release Order
- ☐ Computer
- ☐ Form 'D'
- ☐ ODP/Date _____
- ☐ Membership; Letter